

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/ HNGĐ- ST  
Ngày: 08-9-2020  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Mùi
2. Ông Dương Văn Sinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 136, tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quý P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý P trình bày:

Chị H và anh P kết hôn ngày 16 tháng 4 năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê L, thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị H 38 tuổi, anh P 33 tuổi đã từng kết hôn và ly hôn. Anh chị có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong

tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh P. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày lý do mâu thuẫn vợ chồng là do anh P nghiện ma túy, thường hay đánh đập chị nên đến ngày 29 tháng 4 năm 2020 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở T sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh P. Theo anh P trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng việc sinh hoạt, chi tiêu kinh tế trong gia đình. Anh không đồng ý ly hôn chị H, do anh vẫn còn yêu thương chị H. Nhiều lần, anh đã liên lạc, động viên chị H về ở với anh nhưng chị H lấy lý do công việc nên chưa về sinh sống cùng với anh.

Về con chung: Chị H và anh P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị H và anh P xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với trưởng thôn B- xã L, ông A- bố đẻ anh P, bà C- mẹ đẻ chị H xác nhận: Quá trình chị H và anh P sinh sống có phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P nghiện ma túy đá, anh đã được gia đình cho đi cai nghiện nhưng không được. Khi vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau là do vợ chồng mâu thuẫn việc mua xe máy nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Thời gian chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh P nhiều lần lên đe dọa, gây phiền hà. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Chị H và anh P đều vắng mặt. Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh P. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Quý P có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã L, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Quý P là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có đơn xin xử vắng mặt, chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh P.

### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sinh sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P nghiện ma túy đá nên chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống từ ngày 29 tháng 4 năm 2020 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh P còn nhiều lần đe dọa, gây phiền hà cho chị H khiến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Ban đầu, anh P không đồng ý ly hôn chị H vì xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng. Nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị thì anh P không tham gia hòa giải. Bản thân anh P cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thế, Hội đồng xét xử xác định anh chị đã không còn quan tâm, bỏ mặc nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế, lý do anh P không đồng ý ly hôn là không chính đáng, chỉ nhằm gây khó khăn cho chị H. Tuy vậy, khi Tòa án thành phố C tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh P, anh P có đơn xin xử vắng mặt và đồng ý ly hôn chị H. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh P thật sự tự nguyện ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý P là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh P không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quý P.

- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006471 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- UBND xã L, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**